

**ĐIỂM NÀY CÓ G? SAI SÓT TH? LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI R? C Ụ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PH?NG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ T15XDD

TÊN HỌC PHẦN:	ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐCS VIỆT NAM	HỌC KỲ
M? H OC PHẦN :	HIS - 361	TÍN CHỈ

5

3

1

Ngày thi: 10/01/2012

LẦN THI

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)									ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				15				20	10			55	100		
1	132210154	HỒ CÔNG B?NH	T15XDD1	4				7	4.5			8.8	7.3	Báý pháý Ba	
2	152210164	ĐINH QUANG KHÁNH	T15XDD1	6				7	6			8.3	7.5	Báý pháý Nam	
3	152210166	DƯƠNG QUỐC LỊNH	T15XDD1	8				7	5.5			8.5	7.8	Báý pháý Tam	
4	152210175	NGUYỄN B?NH	T15XDD1	4				7	6			9	7.6	Báý pháý Sau	
5	152210176	PHẠM XUÂN BA	T15XDD1	8				7	7			8.5	8.0	Tam	
6	152210177	NGUYỄN Đ?NH HIẾU	T15XDD1	4				7	6			8.5	7.3	Báý pháý Ba	
7	152210178	NGUYỄN THÀNH DUY	T15XDD1	8				7	7			9	8.3	Tam pháý Ba	
8	152210181	BÙI VĂN LỰC	T15XDD1	6				6.5	6.5			8.5	7.5	Báý pháý Nam	
9	152210182	NGUYỄN HỘP	T15XDD1	8				7.5	7.5			9	8.4	Tam pháý Báu	
10	152210184	PHẠM TỬ	T15XDD1	7				7	6			8.5	7.7	Báý pháý Báý	
11	152210185	HUỶNH KIM NAM	T15XDD1	6				7	5.5			8.5	7.5	Báý pháý Nam	
12	152210190	THÁI ĐÌNH	T15XDD1	8				7	6.5			8.5	7.9	Báý pháý Chên	
13	152210193	NGÔ NHẬT THẾ DŨNG	T15XDD1	8				7	7			8.5	8.0	Tam	
14	152210199	NGUYỄN MINH ĐỨC	T15XDD1	6				6.5	6.5			9	7.8	Báý pháý Tam	
15	152210200	LÊ QUANG	T15XDD1	6				6.5	6.5			7.5	7.0	Báý	
16	152210203	NGUYỄN TẤN KHÔI	T15XDD1	4				7	6			7.5	6.7	Sau pháý Báý	
17	152210206	NGUYỄN VĂN VŨ	T15XDD1	6				6.5	6			6.3	6.3	Sau pháý Ba	
18	152210207	NGUYỄN NGỌC PHÚ	T15XDD1	8				6.5	7			8.3	7.8	Báý pháý Tam	
19	152210209	TRẦN CÔNG DO	T15XDD1	6				6	6.5			7.5	6.9	Sau pháý Chên	
20	152210210	NGUYỄN NHƯ NHẬN	T15XDD1	8				6.5	7			7.3	7.2	Báý pháý Hai	
21	152210216	NGUYỄN VĂN LONG	T15XDD1	4				7	8			9	7.8	Báý pháý Tam	
22	152210220	PHẠM HOÀNG DŨNG	T15XDD1	8				7	8			8.5	8.1	Tam pháý Máu	
23	152210221	ĐINH VĂN TRƯỜNG	T15XDD1	8				7	7			8.5	8.0	Tam	
24	152210224	NGUYỄN VŨ TRƯỜNG	T15XDD1	4				7	6			8	7.0	Báý	
25	152210225	NGUYỄN TRẦN TOÁN	T15XDD1	8				7	7			5.5	6.3	Sau pháý Ba	
26	152210228	LÊ MINH THIÊN	T15XDD1	8				7	6.5			8.5	7.9	Báý pháý Chên	
27	152210231	NGUYỄN THÀNH VIÊN	T15XDD1	6				6.5	7.5			5.5	6.0	Sau	
28	152210233	V? NG Ơ C	T15XDD1	6				7	6			8.5	7.6	Báý pháý Sau	
29	152210238	NGUYỄN HỮU THỌ	T15XDD1	8				7	7			8.5	8.0	Tam	
30	152210240	THÁI XUÂN TRUNG	T15XDD1	8				6.5	7.5			7.5	7.4	Báý pháý Báu	
31	152210241	TRẦN ĐẠI NGHĨA	T15XDD1	8				7	7			V	0.0	Khâng	
32	152210246	HUỶNH VĂN TUẤN	T15XDD1	6				7	5.5			5.5	5.9	Nam pháý Chên	
33	152210250	NGUYỄN TRƯỜNG VINH	T15XDD1	4				6	6			8.3	7.0	Báý	
34	152210253	NGUYỄN THỊ NGỌC	T15XDD1	2				6	5.5			9	7.0	Báý	
35	152210257	NGUYỄN NGỌC MINH	T15XDD1	4				6.5	6			8.5	7.2	Báý pháý Hai	
36	152210258	TRẦN VIỆT LINH	T15XDD1	8				7	7			8.5	8.0	Tam	
37	152210261	V? THANH QUANG	T15XDD1	8				7	7			8.5	8.0	Tam	
38	152210263	V? H ỮU QUYẾT	T15XDD1	4				7	6			9	7.6	Báý pháý Sau	
39	152210269	LÊ KIM HOÀNG	T15XDD1	4				7	6			7.5	6.7	Sau pháý Báý	
40	152210272	CAO VĂN B?NH	T15XDD1	4				7	6			8	7.0	Báý	
41	152220331	NGUYỄN TƯỜNG AN	T15XDD1	2				6	4			8.5	6.6	Sau pháý Sau	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO				ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ T15XDD											
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN				TÊN HỌC PHẦN: ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐCSVN HỌC KỲ										5	
				M? H Ọ C PHẦN : HIS - 361										3	
Ngày thi: 10/01/2012				TÍNH CHỈ LẦN THI										1	
STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)										Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	
					15				20	10			55	100	
42	152220352	NGÔ TIẾN	HÀ	T15XDD1	8				6.5	7			8	7.6	Bá y phá y Saũ
43	152220363	NGUYỄN THANH	TUẤN	T15XDD1	8				7	7			8.5	8.0	Taĩm
44	152220378	TRẦN Đ?NH	SANG	T15XDD1	6				7	6.5			9	7.9	Bá y phá y Chẽn
45	132210223	NGUYỄN ĐỨC	NAM	T15XDD2	4				7	6			7.5	6.7	Saũ phá y Bá y
46	152210163	ĐẶNG VĂN	NGHĨA	T15XDD2	6				6.5	6.5			6	6.2	Saũ phá y Hai
47	152210171	TRẦN HỒNG	QUANG	T15XDD2	6				7	6.5			4	5.2	Nằm phá y Hai
48	152210180	ĐINH PHƯỚC	TOÀN	T15XDD2	6				7	6.5			5.5	6.0	Saũ
49	152210183	NGUYỄN TUẤN	ANH	T15XDD2	8				7	7			5	6.1	Saũ phá y Mẫ tĩ
50	152210187	ĐỖ XUÂN	CƯỜNG	T15XDD2	8				8	7			7	7.4	Bá y phá y Bẫ ứ
51	152210188	NGUYỄN VĂN	THÀNH	T15XDD2	8				8	7			4.5	6.0	Saũ
52	152210189	LÊ HỮU	CƯỜNG	T15XDD2	4				6.5	6			6	5.8	Nằm phá y Taĩm
53	152210191	DƯƠNG HỒNG	THỌ	T15XDD2	6				8	6.5			6	6.5	Saũ phá y Nằm
54	152210196	TRẦN MINH	THUẬN	T15XDD2	6				7	6.5			5.5	6.0	Saũ
55	152210197	PHAN XUÂN	MINH	T15XDD2	6				7	6.5			5	5.7	Nằm phá y Bá y
56	152210198	PHAN UYÊN	VŨ	T15XDD2	4				7	6			7.5	6.7	Saũ phá y Bá y
57	152210208	BÙI VĂN	ĐỨC	T15XDD2	6				7	6.5			7	6.8	Saũ phá y Taĩm
58	152210211	ĐẶNG NGỌC	LĨNH	T15XDD2	8				7	7			7.5	7.4	Bá y phá y Bẫ ứ
59	152210212	NGUYỄN KIM	LONG	T15XDD2	6				6	6.5			2	0.0	Khăng
60	152210213	NGUYỄN VĂN ANH	TUẤN	T15XDD2	2				8	4			4	4.5	Bẫ ứ phá y Nằm
61	152210215	LƯU SƠN	TRÀ	T15XDD2	6				6.5	6.5			6.5	6.4	Saũ phá y Bẫ ứ
62	152210217	ĐẶNG QUỐC	GIANG	T15XDD2	6				6	6.5			6	6.1	Saũ phá y Mẫ tĩ
63	152210222	NGUYỄN XUÂN	DŨNG	T15XDD2	2				7	5.5			6	5.6	Nằm phá y Saũ
64	152210223	TRƯƠNG CÔNG	LUẬN	T15XDD2	4				7	6			2.5	0.0	Khăng
65	152210226	ĐỖ QUANG	CHÍN	T15XDD2	4				6.5	6			7	6.4	Saũ phá y Bẫ ứ
66	152210227	TRẦN ÁI	QUỐC	T15XDD2	6				7	6.5			6	6.3	Saũ phá y Ba
67	152210229	NGUYỄN XUÂN	B?NH	T15XDD2	8				6.5	7			8	7.6	Bá y phá y Saũ
68	152210234	NGUYỄN HỮU	VIỆT	T15XDD2	6				7	6.5			6	6.3	Saũ phá y Ba
69	152210235	HÀ TÂN	NGHIỆP	T15XDD2	6				7	6.5			4	5.2	Nằm phá y Hai
70	152210239	TRẦN	MAY	T15XDD2	6				6.5	6.5			8.5	7.5	Bá y phá y Nằm
71	152210242	V? Đ?NH	BÁCH	T15XDD2	4				8	6			7	6.7	Saũ phá y Bá y
72	152210244	LÊ THANH	VŨ	T15XDD2	4				8	6			8	7.2	Bá y phá y Hai
73	152210252	V? TR ỪƠNG	QUỲNH	T15XDD2	2				6.5	6.5			1.5	0.0	Khăng
74	152210256	TRẦN ĐĂNG	KHOA	T15XDD2	0				0	0			HP	0.0	Khăng
75	152210259	HỒ VĂN	DŨNG	T15XDD2	4				8	6			8.5	7.5	Bá y phá y Nằm
76	152210260	TRẦN VĂN	DŨNG	T15XDD2	6				7	6.5			7	6.8	Saũ phá y Taĩm
77	152210262	NGUYỄN TIẾN	CƯỜNG	T15XDD2	6				7	6.5			6.5	6.5	Saũ phá y Nằm
78	152210267	NGUYỄN CÔNG	QUÂN	T15XDD2	2				7	5.5			7.5	6.4	Saũ phá y Bẫ ứ
79	152210270	TRẦN B?NH	TRUNG	T15XDD2	4				8	6			8.5	7.5	Bá y phá y Nằm
80	152220342	TRẦN THANH	SƠN	T15XDD2	0				0	0			HP	0.0	Khăng
81	152220346	TRẦN THANH	NH?	T15XDD2	6				7	6.5			9	7.9	Bá y phá y Chẽn
82	152220391	HÀ VĂN	LỰC	T15XDD2	4				6	6			8.5	7.1	Bá y phá y Mẫ tĩ
1	2372	NGUYỄN VIỆT	TIẾN	K12XCD	6				5	5			4	5.0	Nằm
2	0232	TRẦN NGỌC	ĐU?C	K12XDD	6				6	6.5			7	6.6	Saũ phá y Saũ
3	0257	NGUYỄN CÔNG	HÙNG	K12XDD	7				6	7.5			6	6.3	Saũ phá y Ba
4	7996	NGUYỄN VĂN	GIANG	K13XCD	6				7	6			4	5.1	Nằm phá y Mẫ tĩ

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15				20	10			55	100			
5	0249	NGUYỄN MẠNH	DŨNG	K13XDD	6				7	7.5			7	6.9	Sầu pháy Chén		
6	4428	NGUYỄN ĐẠI	ĐỨC	K13XDD	6				6	7.5			8.5	7.5	Báy pháy Nàm		
7	8144	TRẦN ANH	TUẤN	K14XCD	6				7	5.5			7	6.7	Sầu pháy Báy		
8	5638	TRẦN THẾ	HÙNG	K15XCD	6				6	5			DC	0.0	Khăng		
9	0221	NGÔ HOÀNG	NAM	T13XDD	8				7	5.5			8.5	7.8	Báy pháy Taim		
10	0288	PHAN VĂN	KHÁNH	T13XDD	7				6	6.5			8	7.3	Báy pháy Ba		
11	4545	NGUYỄN TRƯỜNG	DUY	K15XCD	6				6	5			4	4.8	Bấu pháy Taim		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	86	92%	
2	Số sinh viên nợ	7	8%	
TỔNG CỘNG :		93	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA

(k? và ghi r? họ tên)

Nguyễn Kim Đức

L?NH ĐẠO KHOA

PH?NG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

(k? và ghi r? họ tên)

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 02 năm 2012

ThS. Nguyễn Hữu Phú